ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1918 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 12 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích khai thác hải sản trên các vùng biển xa (đợt 5/2013)

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 8616
Ngày: 04/12/13
Chuyển:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TTLT-BNN-BQP-BTC ngày 11/4/2012 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quốc phòng - Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải trên các vùng biển xa; Quyết định số 39/2011/QĐ-TTg ngày 11/7/2011; Quyết định số 38/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định hồ sơ hỗ trợ ngư dân khai thác tại vùng biển xa tại Báo cáo số 22/BC-HĐTĐ ngày 19/11/2013 về kết quả thẩm định hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu, bảo hiểm thân tàu, thuyền viên, máy thông tin liên lạc HF cho ngư dân tham gia khai thác tại vùng biển xa đợt 5/2013; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2173/TTr-SNN&PTNT ngày 20/11/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ (đợt 5/2013), với tổng kinh phí 26.241.135.000 đồng, từ nguồn kinh phí Trung ương cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Quảng Ngãi năm 2013, bao gồm:

a) Hỗ trợ nhiên liệu: 25.077.000.000 đồng, như Phụ lục số 1 kèm theo Quyết định này.

b) Hỗ trợ mua bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm thuyền viên: 128.135.000 đồng, như Phụ lục số 2 kèm theo Quyết định này.

c) Hỗ trợ chi phí mua máy thông tin liên lạc HF: 1.036.000.000 đồng, như Phụ lục số 3 kèm theo Quyết định này.

2. Phương thức cấp và chi trả tiền: Thực hiện theo quy định tại các khoản 5 và 6, Điều 12, Thông tư Liên tịch số 16/2011/TTLT-BNN-BQP-BTC ngày 13/4/2012 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quốc phòng - Tài chính.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chuyển kinh phí hỗ trợ nêu trên để Kho bạc Nhà nước các huyện (thông qua Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi) thực hiện việc cấp phát và chi trả cho ngư dân; chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ và các Bộ,ngành Trung ương có liên quan kết quả thực hiện hỗ trợ ngư dân theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu, hồ sơ hỗ trợ, theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện hỗ trợ ngư dân, bảo đảm theo đúng quy định.

3. Kho bạc Nhà nước các huyện có liên quan thông báo công khai lịch chi trả tiền hỗ trợ cho ngư dân trước khi thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ cho ngư dân; tổng hợp báo cáo Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, UBND huyện sở tại kết quả cấp phát, chi trả kinh phí hỗ trợ; quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

4. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện cấp phát, chi trả kinh phí hỗ trợ cho ngư dân.

5. Có 02 trường hợp tại các số thứ tự: 15 (chuyến 4/3013), 36 (chuyến 2/2013) tại Phụ lục số 1 (kèm theo), sau khi có xác minh của Hải quân Vùng 4 và có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản thì mới được giải ngân, chi trả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Công an tỉnh, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Lý Sơn, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ; Chi cục trưởng Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước các huyện: Lý Sơn, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ và các chủ tàu có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
-Như Điều 4;
-TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
-CT, PCT(NL) UBND tỉnh;
-VPUB: PVP(NL), KTTH, CB-TH;
-Lưu: VT, NN-TNndt487.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Cao Khoa

Phụ lục 1:

DANH SÁCH TÀU CÁ KHAI THÁC VÙNG BIỂN XA ĐƯỢC HỖ TRỢ NHIÊN LIỆU

(Kèm theo Quyết định số 1918 /QĐ-UBND ngày 04../12../2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
		Huyện Lý Sơn			**2.155**
1	Dương Văn Giàu	An Hải - Lý Sơn	96417	Chuyến 1/2013	35
2	Lê Đầy	An Hải - Lý Sơn	96157	Chuyến 1/2013	55
3	Lê Khởi	An Hải - Lý Sơn	96697	Chuyến 3, 4/2013	150
4	Lê Lời	An Hải - Lý Sơn	96446	Chuyến 3, 4/2013	100
5	Nguyễn Lý	An Hải - Lý Sơn	96246	Chuyến 1,2,3/2013	210
6	Nguyễn Văn Dụ	An Hải - Lý Sơn	96554	Chuyến 1,2/2013	90
7	Nguyễn Văn Tuấn	An Hải - Lý Sơn	96355	Chuyến 3/2013	45
8	Phùng Trung Thành	An Hải - Lý Sơn	96047	Chuyến 1,2/2013	40
9	Bùi Giống	An Hải - Lý Sơn	96338	Chuyến 3,4/2013	150
10	Bùi Nam	An Hải - Lý Sơn	96562	Chuyến 4/2013	55
11	Dương Minh Lành	An Hải - Lý Sơn	96789	Chuyến 3,4/2013	110
12	Dương Văn Nam	An Hải - Lý Sơn	96156	Chuyến 3,4/2013	100
13	Huỳnh Thu	An Hải - Lý Sơn	96579	Chuyến 3,4/2013	135
14	Lê Phấn	An Hải - Lý Sơn	96459	Chuyến 4/2013	55
15	Lê Văn Lộc	An Hải - Lý Sơn	96119	Chuyến 2/2013	45
15	Lê Văn Lộc	An Hải - Lý Sơn	96119	Chuyến 3/2013	55
16	Nguyễn Chín	An Hải - Lý Sơn	96399	Chuyến 2,3/2013	110
17	Nguyễn Văn Thinh	An Hải - Lý Sơn	96148	Chuyến 4/2013	55
18	Phạm Ngọc Tiếng	An Hải - Lý Sơn	96121	Chuyến 4/2013	60

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
19	Phạm Văn Bình	An Hải - Lý Sơn	96257	Chuyến 2,3,4/2013	155
20	Phùng Thoại	An Hải - Lý Sơn	96020	Chuyến 4/2013	75
21	Trần Dư Hồng	An Hải - Lý Sơn	96778	Chuyến 4/2013	35
22	Trương Đình Phú	An Hải - Lý Sơn	96472	Chuyến 3,4/2013	110
23	Lê Văn Ninh	An Vĩnh - Lý Sơn	96130	Chuyến 2,3/2013	90
24	Nguyễn Tấn Điều	An Vĩnh - Lý Sơn	96464	Chuyến 3/2013	35
		Huyện Bình Sơn			**4.176**
25	Bùi Đức Quang	Bình Chánh - Bình Sơn	95209	Chuyến 3,4/2013	200
26	Bùi Lành	Bình Chánh - Bình Sơn	95138	Chuyến 3,4/2013	100
27	Bùi Tấn Lý	Bình Chánh - Bình Sơn	95168	Chuyến 3/2013	60
28	Bùi Thị Nga	Bình Chánh - Bình Sơn	90334	Chuyến 2/2013	60
29	Bùi Tư	Bình Chánh - Bình Sơn	95898	Chuyến 2,3/2013	100
30	Châu Bạt	Bình Chánh - Bình Sơn	90954	Chuyến 2/2013	60
31	Đặng Ngọc Sơn	Bình Chánh - Bình Sơn	95456	Chuyến 2/2013	60
32	Hồ Đông Âu	Bình Chánh - Bình Sơn	95579	Chuyến 4/2013	75
33	Hồ Đông Vấn	Bình Chánh - Bình Sơn	95159	Chuyến 2/2013	60
34	Hoàng Dược Sư	Bình Chánh - Bình Sơn	95195	Chuyến 2/2013	45
35	Huỳnh Sơ	Bình Chánh - Bình Sơn	95539	Chuyến 2/2013	25
36	Huỳnh Tấn Thanh	Bình Chánh - Bình Sơn	95780	Chuyến 2/2013	60
37	Lê Thanh Điểu	Bình Chánh - Bình Sơn	95438	Chuyến 2/2013	60
38	Mai Tiến	Bình Chánh - Bình Sơn	90224	Chuyến 3/2013	100
39	Nguyễn Dần	Bình Chánh - Bình Sơn	95696	Chuyến 4/2013	75
40	Nguyễn Đình Hiệp	Bình Chánh - Bình Sơn	90927	Chuyến 2/2013	55
41	Nguyễn Duy Thanh	Bình Chánh - Bình Sơn	90188	Chuyến 2/2013	60

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
42	Nguyễn Khánh	Bình Chánh - Bình Sơn	95090	Chuyến 4/2013	45
43	Nguyễn Năm	Bình Chánh - Bình Sơn	95999	Chuyến 3/2013	60
44	Nguyễn Ngọc Quý	Bình Chánh - Bình Sơn	95186	Chuyến 3/2013	45
45	Nguyễn Tấn Cần	Bình Chánh - Bình Sơn	95005	Chuyến 2/2013	60
46	Nguyễn Tấn Dũng	Bình Chánh - Bình Sơn	95852	Chuyến 3/2013	75
47	Nguyễn Thùy	Bình Chánh - Bình Sơn	95409	Chuyến 4/2013	75
48	Nguyễn Văn Đức	Bình Chánh - Bình Sơn	95645	Chuyến 4/2013	100
49	Nguyễn Văn Hạnh	Bình Chánh - Bình Sơn	95041	Chuyến 3/2013	100
50	Nguyễn Văn Thà	Bình Chánh - Bình Sơn	95717	Chuyến 2/2013	60
51	Nguyễn Văn Trung	Bình Chánh - Bình Sơn	90368	Chuyến 4/2013	60
52	Phạm Sứu	Bình Chánh - Bình Sơn	95392	Chuyến 3/2013	25
53	Phạm Thế Hoang	Bình Chánh - Bình Sơn	95104	Chuyến 3/2013	75
54	Trần Dân	Bình Chánh - Bình Sơn	95609	Chuyến 2/2013	45
55	Trần Tức	Bình Chánh - Bình Sơn	90522	Chuyến 2,3/2013	160
56	Trần Văn Dân	Bình Chánh - Bình Sơn	95267	Chuyến 2/2013	60
57	Võ Duy Chưa	Bình Chánh - Bình Sơn	95951	Chuyến 2/2013	60
58	Võ Minh Hiền	Bình Chánh - Bình Sơn	95221	Chuyến 2/2013	45
59	Ngô Văn Thân	Bình Chánh - Bình Sơn	95726	Chuyến 2/2013	45
60	Nguyễn Đức Vỹ	Bình Chánh - Bình Sơn	95410	Chuyến 2/2013	60
61	Nguyễn Thị Tỉnh	Bình Chánh - Bình Sơn	95354	Chuyến 2/2013	60
62	Võ Lung	Bình Chánh - Bình Sơn	95290	Chuyến 3/2013	60
63	Bùi Bích Na	Bình Châu - Bình Sơn	95208	Chuyến 3/2013	45
64	Đỗ Duy Cam	Bình Châu - Bình Sơn	90028	Chuyến 1/2013	60
65	Đỗ Trước	Bình Châu - Bình Sơn	90217	Chuyến 3/2013	45

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
66	Nguyễn Đại	Bình Châu - Bình Sơn	90207	Chuyến 3/2013	60
67	Nguyễn Đức Hải	Bình Châu - Bình Sơn	90072	Chuyến 4/2013	55
68	Tiêu Chánh	Bình Châu - Bình Sơn	90974	Chuyến 1/2013	100
69	Trần Văn Thoa	Bình Châu - Bình Sơn	90615	Chuyến 1/2013	75
70	Võ Bá Nha	Bình Châu - Bình Sơn	90045	Chuyến 3/2013	75
71	Võ Hải	Bình Châu - Bình Sơn	95779	Chuyến 4/2013	45
72	Nguyễn Chính	Bình Châu - Bình Sơn	95355	Chuyến 4/2013	25
73	Nguyễn Minh Nhựt	Bình Châu - Bình Sơn	90225	Chuyến 4/2013	60
74	Nguyễn Tấn Luận	Bình Châu - Bình Sơn	90847	Chuyến 2/2013	55
75	Nguyễn Tấn Ngọt	Bình Châu - Bình Sơn	95797	Chuyến 4/2013	45
76	Nguyễn Thanh Biên	Bình Châu - Bình Sơn	95247	Chuyến 3/2013	18
77	Nguyễn Văn Tiến	Bình Châu - Bình Sơn	95642	Chuyến 4/2013	55
78	Phạm Minh	Bình Châu - Bình Sơn	90596	Chuyến 2/2013	55
79	Tiêu Viết Hồng	Bình Châu - Bình Sơn	90181	Chuyến 3/2013	60
80	Trương Quang Thanh	Bình Châu - Bình Sơn	95996	Chuyến 4/2013	60
81	Trương Tày	Bình Châu - Bình Sơn	90208	Chuyến 3,4/2013	160
82	Trương Tày	Bình Châu - Bình Sơn	90678	Chuyến 3/2013	60
83	Nguyễn Xuân Dũng	Bình Hải - Bình Sơn	90378	Chuyến 1/2013	25
84	Nguyễn Anh Dũng	Bình Thạnh - Bình Sơn	90269	Chuyến 2,3/2013	100
85	Trần Anh	Bình Thạnh - Bình Sơn	95487	Chuyến 1,2/2013	100
86	Trần Anh	Bình Thạnh - Bình Sơn	95743	Chuyến 1/2013	18
87	Trần Văn Quang	Bình Thạnh - Bình Sơn	90917	Chuyến 1,2/2013	90
Huyện Mộ Đức					**75**

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
88	Nguyễn Nầy	Đức Lân - Mộ Đức	93089	Chuyến 4/2013	75
		Huyện Tư Nghĩa			**6.313**
89	Lê Thắng Bức	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97268	Chuyến 3,4/2013	70
90	Phạm Anh Vũ	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92039	Chuyến 3,4/2013	70
91	Trần Cà Na	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97111	Chuyến 1/2013	35
92	Cao Văn Thành	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92912	Chuyến 4/2013	55
93	Đặng Võ	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92488	Chuyến 4/2013	55
94	Huỳnh Ngọc Đồ	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92180	Chuyến 2/2013	55
95	Huỳnh Tấn Nghĩa	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97217	Chuyến 3,4/2013	110
96	Huỳnh Thanh Cu	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97456	Chuyến 3,4/2013	70
97	Huỳnh Văn Lắm	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92148	Chuyến 3,4/2013	70
98	Huỳnh Văn Phao	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92890	Chuyến 3/2013	75
99	Lê Giúp	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97016	Chuyến 3,4/2013	70
100	Lê Hiểu	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92828	Chuyến 2,3/2013	70
101	Lê Minh Anh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92698	Chuyến 4/2013	55
102	Lê Ngọc Thanh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92939	Chuyến 2/2013	35
103	Lê Quang Châu	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92837	Chuyến 2,3/2013	110
104	Lê Quốc Đại	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92403	Chuyến 3/2013	35
105	Lê Tấn Giêng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92187	Chuyến 2/2013	35
106	Lê Thái	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92739	Chuyến 4/2013	35
107	Lê Thắng Khiến	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92014	Chuyến 2/2013	35
108	Lê Thuận	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92276	Chuyến 3/2013	35
109	Lê Tuấn Phạm	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97069	Chuyến 3,4/2013	70
110	Lê Văn Cơ	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97815	Chuyến 3,4/2013	110

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
111	Lê Văn Lâm	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97774	Chuyến 1/2013	55
112	Lê Văn Minh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92549	Chuyến 3,4/2013	110
113	Lê Văn Xướng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92580	Chuyến 1/2013	35
114	Lý Phụng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92324	Chuyến 2/2013	35
115	Nguyễn Đăng Thuyền	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92371	Chuyến 1/2013	35
116	Nguyễn Đát	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92796	Chuyến 1,2/2013	70
117	Nguyễn Đức	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92899	Chuyến 1/2013	55
118	Nguyễn Đức	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92972	Chuyến 1/2013	55
119	Nguyễn Dũng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92760	Chuyến 3/2013	55
120	Nguyễn Liêm	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92032	Chuyến 1,2,3/2013	155
121	Nguyễn Ngọc Dự	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97110	Chuyến 3/2013	35
122	Nguyễn Tấn Công	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97430	Chuyến 1/2013	55
123	Nguyễn Văn Cu	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92445	Chuyến 2/2013	55
124	Nguyễn Văn Đinh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92679	Chuyến 1/2013	35
125	Nguyễn Văn Lâm	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92046	Chuyến 3,4/2013	150
126	Nguyễn Văn Thạch	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97051	Chuyến 2/2013	55
127	Phạm Cặn	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92007	Chuyến 4/2013	55
128	Phạm Hết	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97068	Chuyến 2,3/2013	110
129	Phạm Ngọc Phương	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97826	Chuyến 3,4/2013	110
130	Phạm Tấn	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92312	Chuyến 1,2/2013	150
131	Phạm Tấn Hòa	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97735	Chuyến 3/2013	55
132	Phạm Thanh Quang	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92323	Chuyến 3,4/2013	70
133	Trần Bê	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92366	Chuyến 2,3/2013	110
134	Trần Cọ	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92186	Chuyến 3,4/2013	70

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
135	Trần Cờ	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92706	Chuyến 3,4/2013	100
136	Trần Hồng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92913	Chuyến 1/2013	22
137	Trần Hùng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92671	Chuyến 3,4/2013	100
138	Trần Huynh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92203	Chuyến 2,3,4/2013	155
139	Trần Hý	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92669	Chuyến 3,4/2013	110
140	Trần Lức	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97174	Chuyến 3/2013	35
141	Trần Mươi	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92483	Chuyến 3,4/2013	110
142	Trần Tấn Thi	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92511	Chuyến 4/2013	55
143	Trần Văn Bé	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92174	Chuyến 2,3/2013	100
144	Trần Văn Búp	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92882	Chuyến 3,4/2013	70
145	Trần Văn Hùng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92554	Chuyến 3/2013	55
146	Trần Văn Nghề	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97411	Chuyến 1,2/2013	70
147	Trần Văn Nhau	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92053	Chuyến 2,3,4/2013	95
148	Trần Văn Sinh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97350	Chuyến 2,3/2013	70
149	Trần Văn Truyền	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92363	Chuyến 1/2013	35
150	Trần Văn Xin	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92830	Chuyến 1/2013	55
151	Trần Viết Tiết	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92813	Chuyến 2,3,4/2013	165
152	Trịnh Văn Bèo	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92219	Chuyến 2/2013	35
153	Trương Công Anh Xin	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97614	Chuyến 2,3/2013	110
154	Trương Tấn	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92346	Chuyến 2,3,4/2013	155
155	Võ Lai	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92823	Chuyến 3,4/2013	110
156	Võ Lai Em	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92687	Chuyến 2,3/2013	110
157	Võ Minh Hùng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92651	Chuyến 3,4/2013	110
158	Võ Sinh Thương	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92099	Chuyến 1,2/2013	70

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
159	Võ Tấn Công	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97402	Chuyến 1/2013	35
160	Võ Tấn Cường	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92663	Chuyến 1,2,3/2013	105
161	Võ Thành Mẫn	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92337	Chuyến 1,2/2013	44
162	Lê Nô	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92602	Chuyến 3,4/2013	110
163	Lê Văn Hùng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92497	Chuyến 3,4/2013	150
164	Ngô Đình Cường	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97323	Chuyến 4/2013	35
165	Ngô Mộc	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92606	Chuyến 4/2013	55
166	Nguyễn Văn Mình	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92598	Chuyến 2/2013	55
167	Phạm Văn Phà	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92463	Chuyến 2,3/2013	110
168	Trần Văn Hương	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92087	Chuyến 2/2013	22
169	Huỳnh Tấn Nghĩa	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97793	Chuyến 3,4/2013	110
170	Lâm Ngọc Tân	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92320	Chuyến 4/2013	55
171	Lê Thắng Công	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97522	Chuyến 4/2013	55
172	Nguyễn Nhỏ	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92389	Chuyến 3,4/2013	100
173	Trần Văn Cam	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92864	Chuyến 1/2013	35
		Huyện Đức Phổ			**12.313**
174	Bùi Tèo	Phổ An - Đức Phổ	98074	Chuyến 2/2013	100
175	Châu Minh Hải	Phổ An - Đức Phổ	94637	Chuyến 4/2013	75
176	Châu Minh Hừng	Phổ An - Đức Phổ	94042	Chuyến 3/2013	35
177	Huỳnh Tấn Chinh	Phổ An - Đức Phổ	94568	Chuyến 3/2013	75
178	Nguyễn Bá Sanh	Phổ An - Đức Phổ	94159	Chuyến 3/2013	75
179	Nguyễn Đình Bê	Phổ An - Đức Phổ	94679	Chuyến 3/2013	75
180	Nguyễn Đình Bê	Phổ An - Đức Phổ	98955	Chuyến 3/2013	75
181	Nguyễn Kiệm	Phổ An - Đức Phổ	94257	Chuyến 3,4/2013	110

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
182	Nguyễn Ngọc Nga	Phổ An - Đức Phổ	98404	Chuyến 3,4/2013	70
183	Nguyễn Ngọc Nga	Phổ An - Đức Phổ	98588	Chuyến 4/2013	55
184	Nguyễn Tuấn	Phổ An - Đức Phổ	98746	Chuyến 3,4/2013	150
185	Nguyễn Văn Đức	Phổ An - Đức Phổ	94967	Chuyến 2,3,4/2013	58
186	Nguyễn Văn Sinh	Phổ An - Đức Phổ	98557	Chuyến 3,4/2013	110
187	Nguyễn Văn Tức	Phổ An - Đức Phổ	98785	Chuyến 4/2013	55
188	Phạm Thị Nuôi	Phổ An - Đức Phổ	94858	Chuyến 1,2/2013	120
189	Phạm Vương	Phổ An - Đức Phổ	98907	Chuyến 3,4/2013	135
190	Tô Thị Hà	Phổ An - Đức Phổ	94567	Chuyến 4/2013	75
191	Bùi Mông	Phổ An - Đức Phổ	98676	Chuyến 4/2013	60
192	Châu Hùng Binh	Phổ An - Đức Phổ	98818	Chuyến 3/2013	75
193	Nguyễn Đình Bê	Phổ An - Đức Phổ	94787	Chuyến 4/2013	75
194	Đặng Văn Sau	Phổ Châu - Đức Phổ	94544	Chuyến 3/2013	55
195	Đặng Văn Tròn	Phổ Châu - Đức Phổ	94105	Chuyến 3,4/2013	110
196	Huỳnh Đa	Phổ Châu - Đức Phổ	94305	Chuyến 4/2013	55
197	Huỳnh Dũng	Phổ Châu - Đức Phổ	94095	Chuyến 4/2013	75
198	Lê Diệu	Phổ Châu - Đức Phổ	98082	Chuyến 1,2/2013	150
199	Lê Nguyên Phong	Phổ Châu - Đức Phổ	94757	Chuyến 4/2013	55
200	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94103	Chuyến 3/2013	55
201	Mai Xuân Trang	Phổ Châu - Đức Phổ	94437	Chuyến 4/2013	55
202	Nguyễn Văn Ngà	Phổ Châu - Đức Phổ	98084	Chuyến 3,4/2013	110
203	Nguyễn Văn Tàu	Phổ Châu - Đức Phổ	98363	Chuyến 3/2013	22
204	Trần Sĩ	Phổ Châu - Đức Phổ	94706	Chuyến 4/2013	55
205	Đặng Sang	Phổ Châu - Đức Phổ	94373	Chuyến 4/2013	75

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
206	Lê Thành Đạt	Phổ Châu - Đức Phổ	98278	Chuyến 2,3,4/2013	155
207	Lê Văn Pháp	Phổ Châu - Đức Phổ	98958	Chuyến 4/2013	55
208	Lê Văn Toàn	Phổ Châu - Đức Phổ	94776	Chuyến 4/2013	75
209	Mai Xuân Thuỷ	Phổ Châu - Đức Phổ	94669	Chuyến 4/2013	55
210	Mai Xuân Thuỷ	Phổ Châu - Đức Phổ	98939	Chuyến 4/2013	75
211	Hành Văn Hóa	Phổ Quang - Đức Phổ	98909	Chuyến 1/2013	75
212	Hồ Minh Luỹ	Phổ Quang - Đức Phổ	94469	Chuyến 2,3,4/2013	145
213	Huỳnh Đàn	Phổ Quang - Đức Phổ	98235	Chuyến 3,4/2013	90
214	Huỳnh Luận	Phổ Quang - Đức Phổ	94559	Chuyến 3,4/2013	150
215	Huỳnh Mỹ	Phổ Quang - Đức Phổ	94489	Chuyến 3,4/2013	110
216	Huỳnh Ngọc	Phổ Quang - Đức Phổ	94279	Chuyến 2,3,4/2013	195
217	Huỳnh Tấn Phê	Phổ Quang - Đức Phổ	94526	Chuyến 4/2013	75
218	Huỳnh Thị Đúc	Phổ Quang - Đức Phổ	98976	Chuyến 4/2013	55
219	Lê Cận	Phổ Quang - Đức Phổ	98357	Chuyến 4/2013	45
220	Lê Cận	Phổ Quang - Đức Phổ	98579	Chuyến 4/2013	55
221	Lê Chánh	Phổ Quang - Đức Phổ	98559	Chuyến 4/2013	55
222	Lê Do	Phổ Quang - Đức Phổ	98529	Chuyến 1/2013	35
223	Lê Kế	Phổ Quang - Đức Phổ	94369	Chuyến 3/2013	55
224	Lê Kế	Phổ Quang - Đức Phổ	94459	Chuyến 3,4/2013	100
225	Lê Khôi Việt	Phổ Quang - Đức Phổ	98859	Chuyến 3,4/2013	150
226	Lê Tấn Vinh	Phổ Quang - Đức Phổ	98886	Chuyến 1/2013	55
227	Lê Thanh Lành	Phổ Quang - Đức Phổ	98381	Chuyến 3/2013	75
228	Lê Thanh Tuấn	Phổ Quang - Đức Phổ	94672	Chuyến 1/2013	55
229	Lê Thị Cảnh	Phổ Quang - Đức Phổ	98587	Chuyến 4/2013	75

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
230	Ngụy Bon	Phổ Quang - Đức Phổ	98948	Chuyến 3/2013	55
231	Nguyễn An	Phổ Quang - Đức Phổ	98064	Chuyến 4/2013	75
232	Nguyễn An	Phổ Quang - Đức Phổ	98865	Chuyến 2,3/2013	100
233	Nguyễn Cu	Phổ Quang - Đức Phổ	94020	Chuyến 1/2013	75
234	Nguyễn Cu	Phổ Quang - Đức Phổ	98099	Chuyến 4/2013	35
235	Nguyễn Đình Nghị	Phổ Quang - Đức Phổ	98974	Chuyến 4/2013	75
236	Nguyễn Duy Triên	Phổ Quang - Đức Phổ	94491	Chuyến 3/2013	55
237	Nguyễn Giáp	Phổ Quang - Đức Phổ	98666	Chuyến 2,3/2013	135
238	Nguyễn Hương	Phổ Quang - Đức Phổ	98379	Chuyến 4/2013	75
239	Nguyễn Khiết	Phổ Quang - Đức Phổ	98767	Chuyến 2/2013	75
240	Nguyễn Ngọc Nghiệp	Phổ Quang - Đức Phổ	94666	Chuyến 2,3,4/2013	195
241	Nguyễn Thành Đôn	Phổ Quang - Đức Phổ	94259	Chuyến 3,4/2013	150
242	Nguyễn Thanh Long	Phổ Quang - Đức Phổ	98469	Chuyến 4/2013	75
243	Nguyễn Thanh Long	Phổ Quang - Đức Phổ	98479	Chuyến 2,3/2013	60
244	Nguyễn Thị Khanh	Phổ Quang - Đức Phổ	98739	Chuyến 4/2013	55
245	Nguyễn Thị Lên	Phổ Quang - Đức Phổ	98228	Chuyến 4/2013	60
246	Nguyễn Thừa	Phổ Quang - Đức Phổ	98868	Chuyến 2,3,4/2013	195
247	Nguyễn Văn An	Phổ Quang - Đức Phổ	98598	Chuyến 3,4/2013	110
248	Nguyễn Văn Cư	Phổ Quang - Đức Phổ	94041	Chuyến 3,4/2013	150
249	Nguyễn Văn Hồng	Phổ Quang - Đức Phổ	98608	Chuyến 4/2013	55
250	Nguyễn Văn Lịch	Phổ Quang - Đức Phổ	98749	Chuyến 2,3/2013	135
251	Nguyễn Xanh	Phổ Quang - Đức Phổ	94397	Chuyến 3,4/2013	150
252	Phạm Đức	Phổ Quang - Đức Phổ	94456	Chuyến 4/2013	55
253	Phạm Lệ	Phổ Quang - Đức Phổ	94635	Chuyến 2,3,4/2013	210

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
254	Phạm Tỉnh	Phổ Quang - Đức Phổ	94734	Chuyến 4/2013	55
255	Phạm Tuân	Phổ Quang - Đức Phổ	94445	Chuyến 3,4/2013	60
256	Phan Văn Dựng	Phổ Quang - Đức Phổ	98716	Chuyến 1,2/2013	135
257	Trần Dán	Phổ Quang - Đức Phổ	98289	Chuyến 3/2013	55
258	Trần Đấu	Phổ Quang - Đức Phổ	94227	Chuyến 3,4/2013	135
259	Trần Định	Phổ Quang - Đức Phổ	94785	Chuyến 4/2013	45
260	Trần Lan	Phổ Quang - Đức Phổ	98362	Chuyến 4/2013	75
261	Trần Minh Tâm	Phổ Quang - Đức Phổ	98389	Chuyến 3/2013	75
262	Trần Thị Kim Cúc	Phổ Quang - Đức Phổ	94129	Chuyến 3,4/2013	120
263	Trần Văn Cúc	Phổ Quang - Đức Phổ	94499	Chuyến 1/2013	75
264	Trần Văn Hiếu	Phổ Quang - Đức Phổ	94916	Chuyến 4/2013	75
265	Võ Văn Dũng	Phổ Quang - Đức Phổ	94448	Chuyến 4/2013	55
266	Võ Văn Dũng	Phổ Quang - Đức Phổ	94484	Chuyến 1,2/2013	60
267	Võ Xuân Cảnh	Phổ Quang - Đức Phổ	98396	Chuyến 1/2013	45
268	Huỳnh Phổ	Phổ Quang - Đức Phổ	94383	Chuyến 4/2013	75
269	Lê Anh Chung	Phổ Quang - Đức Phổ	98108	Chuyến 2/2013	75
270	Ngô Thanh Phong	Phổ Quang - Đức Phổ	98888	Chuyến 1,2,3/2013	195
271	Ngô Thiên	Phổ Quang - Đức Phổ	94177	Chuyến 4/2013	75
272	Ngô Tiên	Phổ Quang - Đức Phổ	94537	Chuyến 4/2013	75
273	Ngô Tiên	Phổ Quang - Đức Phổ	98129	Chuyến 4/2013	75
274	Nguyễn Lan	Phổ Quang - Đức Phổ	98927	Chuyến 2,3,4/2013	145
275	Nguyễn Thành Sơn	Phổ Quang - Đức Phổ	98973	Chuyến 3/2013	55
276	Nguyễn Văn Bắc	Phổ Quang - Đức Phổ	98894	Chuyến 1/2013	75
277	Nguyễn Văn Chí	Phổ Quang - Đức Phổ	98268	Chuyến 1/2013	35

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
278	Phạm Tỉnh	Phổ Quang - Đức Phổ	98246	Chuyến 3,4/2013	120
279	Trần Bay	Phổ Quang - Đức Phổ	98759	Chuyến 2,3/2013	36
280	Trần Cư Oanh	Phổ Quang - Đức Phổ	94877	Chuyến 2/2013	75
281	Trần Quang Sơn	Phổ Quang - Đức Phổ	98443	Chuyến 2/2013	25
282	Võ Quốc Việt	Phổ Quang - Đức Phổ	94888	Chuyến 3/2013	55
283	Kiều Vương	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94217	Chuyến 2,3,4/2013	145
284	Lê Ơi	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94187	Chuyến 4/2013	55
285	Lê Văn Cả	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94148	Chuyến 4/2013	55
286	Mai Nga	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94814	Chuyến 3,4/2013	100
287	Nguyễn Hương	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98239	Chuyến 2,3/2013	150
288	Nguyễn Mai	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94673	Chuyến 3/2013	75
289	Nguyễn Mỹ	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94565	Chuyến 4/2013	55
290	Nguyễn Mỹ	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94636	Chuyến 4/2013	55
291	Nguyễn Nghĩa	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94512	Chuyến 3,4/2013	110
292	Nguyễn Ngọc Thanh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98604	Chuyến 1,2/2013	150
293	Nguyễn Sáu	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98219	Chuyến 4/2013	55
294	Nguyễn Sáu	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98723	Chuyến 4/2013	55
295	Nguyễn Tám	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94624	Chuyến 4/2013	55
296	Nguyễn Thị Dương	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98027	Chuyến 4/2013	55
297	Nguyễn Trung	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98534	Chuyến 3/2013	55
298	Nguyễn Văn Hào	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98011	Chuyến 3/2013	55
299	Nguyễn Văn Hay	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98543	Chuyến 2/2013	22
300	Phạm Ngọc Trụ	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94590	Chuyến 2/2013	75
301	Trần Nhân	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94608	Chuyến 3/2013	75

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
302	Trần Vũ Hoài Minh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98183	Chuyến 4/2013	75
303	Võ Ra Đô	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98885	Chuyến 4/2013	75
304	Võ Tân	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98156	Chuyến 1,2/2013	120
305	Võ Xuân Thanh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94688	Chuyến 4/2013	55
306	Nguyễn Minh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98747	Chuyến 3/2013	55
307	Nguyễn Tám	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94646	Chuyến 3/2013	55
308	Nguyên Thị Xuân Nồng	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98784	Chuyến 1/2013	45
309	Nguyễn Văn Huy	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94832	Chuyến 1/2013	55
310	Võ Đông Xuân	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94076	Chuyến 4/2013	75
311	Huỳnh Kính	Phổ Vinh - Đức Phổ	98505	Chuyến 3/2013	55
312	Huỳnh Văn Trụ	Phổ Vinh - Đức Phổ	94805	Chuyến 2,3/2013	110
313	Ngô Hùng	Phổ Vinh - Đức Phổ	94284	Chuyến 3/2013	55
314	Nguyễn Hữu Lộc	Phổ Vinh - Đức Phổ	98506	Chuyến 4/2013	55
315	Nguyễn Thạt	Phổ Vinh - Đức Phổ	98735	Chuyến 2/2013	55
316	Nguyễn Thi	Phổ Vinh - Đức Phổ	98921	Chuyến 2,3/2013	150
317	Nguyễn Văn Ninh	Phổ Vinh - Đức Phổ	98686	Chuyến 4/2013	35
318	Nguyên Xuân Phương	Phổ Vinh - Đức Phổ	94988	Chuyến 4/2013	45
319	Phạm Đậu	Phổ Vinh - Đức Phổ	98679	Chuyến 2,3/2013	70
320	Võ Văn Khoa	Phổ Vinh - Đức Phổ	98705	Chuyến 2,3,4/2013	210
321	Võ Văn Truyền	Phổ Vinh - Đức Phổ	94670	Chuyến 3,4/2013	150
Huyện Sơn Tịnh					**45**
322	Nguyễn Đua	Tịnh Kỳ - Sơn Tịnh	91148	Chuyến 3/2013	45
Tổng cộng					**25.077**

Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ, không trăm bảy mươi bảy triệu đồng

Phụ lục 2:

DANH SÁCH TÀU CÁ THAM GIA KHAI THÁC VÙNG BIỂN XA ĐƯỢC HỖ TRỢ BẢO HIỂM (Thân tàu và Thuyền viên)

(Kèm theo Quyết định số 1918 /QĐ-UBND ngày 04/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: 1.000đồng

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số QNg ...TS	Tổng tiền hỗ trợ bảo hiểm		
				Thân tàu	Thuyền viên	Tổng cộng
Huyện Lý Sơn				**3.948**	**2.160**	**6.108**
1	Bùi Giống	An Hải - Lý Sơn	96338	1.893	900	2.793
2	Trương Đình Phú	An Hải - Lý Sơn	96472	2.055	1.260	3.315
Huyện Bình Sơn				**22.660**	**980**	**23.640**
3	Phạm Thế Hoang	Bình Chánh-Bình Sơn	95104	6.160		6.160
4	Nguyễn Tấn Luận	Bình Châu-Bình Sơn	90847	1.540	980	2.520
5	Trần Văn Quang	Bình Thạnh-Bình Sơn	90917	14.960		14.960
Huyện Tư Nghĩa				**1.650**	**4.865**	**6.515**
6	Huỳnh Văn Lắm	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92148		735	735
7	Lê Quang Châu	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92837		700	700
8	Lê Văn Cơ	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97815		700	700
9	Lê Văn Lâm	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97774		630	630
10	Lê Văn Minh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92549	1.650		1.650
11	Trần Viết Tiết	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92813		700	700
12	Võ Minh Hùng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92651		700	700
13	Lê Nô	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92602		700	700
Huyện Đức Phổ				**80.608**	**11.264**	**91.872**
14	Nguyễn Ngọc Nga	Phổ An - Đức Phổ	98588	2.650		2.650
15	Nguyễn Ngọc Nga	Phổ An - Đức Phổ	98404	2.827		2.827
16	Đặng Văn Tròn	Phổ Châu - Đức Phổ	94105	3.707		3.707
17	Lê Diệu	Phổ Châu - Đức Phổ	98082	7.010		7.010

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số QNg ...TS	Tổng tiền hỗ trợ bảo hiểm		
				Thân tàu	Thuyền viên	Tổng cộng
18	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94103	6.381		6.381
19	Nguyễn Văn Ngà	Phổ Châu - Đức Phổ	98084	2.962		2.962
20	Đặng Sang	Phổ Châu - Đức Phổ	94373	5.049		5.049
21	Lê Văn Toàn	Phổ Châu - Đức Phổ	94776	5.610		5.610
22	Mai Xuân Thuỷ	Phổ Châu - Đức Phổ	98939	6.740		6.740
23	Lê Khôi Việt	Phổ Quang - Đức Phổ	98859	2.187		2.187
24	Lê Thanh Lành	Phổ Quang - Đức Phổ	98381		956	956
25	Nguyễn An	Phổ Quang - Đức Phổ	98865		957	957
26	Phan Văn Dựng	Phổ Quang - Đức Phổ	98716		900	900
27	Trần Văn Cúc	Phổ Quang - Đức Phổ	94499		783	783
28	Trần Văn Hiếu	Phổ Quang - Đức Phổ	94916		1.044	1.044
29	Võ Văn Dũng	Phổ Quang - Đức Phổ	94448	6.535		6.535
30	Võ Văn Dũng	Phổ Quang - Đức Phổ	94484		1.044	1.044
31	Ngô Thanh Phong	Phổ Quang - Đức Phổ	98888		870	870
32	Nguyễn Văn Chí	Phổ Quang - Đức Phổ	98268		900	900
33	Mai Nga	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94814	3.378	870	4.248
34	Nguyễn Mai	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94673	4.207		4.207
35	Nguyễn Ngọc Thanh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98604	4.280	1.260	5.540
36	Nguyễn Văn Hay	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98543	3.403	630	4.033
37	Võ Ra Đô	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98885	5.060	1.050	6.110
38	Võ Đông Xuân	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94076	5.743		5.743
39	Nguyễn Văn Ninh	Phổ Vinh - Đức Phổ	98686	2.879		2.879
Tổng cộng				**108.866**	**19.269**	**128.135**

Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu, một trăm ba mươi lăm ngàn đồng

Phụ lục 3:

DANH SÁCH TÀU CÁ THAM GIA KHAI THÁC VÙNG BIỂN XA ĐƯỢC HỖ TRỢ MÁY HF

(Kèm theo Quyết định số 1918 /QĐ-UBND ngày 04/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Họ và tên	Thường trú	Số QNg...TS	Tổng tiền hỗ trợ
	Huyện Lý Sơn			**112**
1	Dương Văn Giàu	An Hải - Lý Sơn	96417	28
2	Lê Đầy	An Hải - Lý Sơn	96157	28
3	Phùng Trung Thành	An Hải - Lý Sơn	96047	28
4	Phùng Thoại	An Hải - Lý Sơn	96020	28
	Huyện Bình Sơn			**112**
5	Hồ Đông Âu	Bình Chánh - Bình Sơn	95579	28
6	Nguyễn Tấn Điệp	Bình Chánh - Bình Sơn	90684	28
7	Đặng Duy Bình	Bình Châu - Bình Sơn	90053	28
8	Trần Văn Quang	Bình Thạnh - Bình Sơn	90917	28
	Huyện Tư Nghĩa			**560**
9	Trần Cà Na	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97111	28
10	Lê Thắng Khiến	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92014	28
11	Lê Văn Thiệu	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97067	28
12	Lê Văn Xướng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92580	28
13	Lý Phụng	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92324	28
14	Nguyễn Đăng Thuyền	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92371	28
15	Nguyễn Đát	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92796	28
16	Nguyễn Liêm	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92032	28
17	Nguyễn Văn Cu	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92445	28
18	Nguyễn Văn Đinh	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92679	28
19	Trần Hý	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92669	28

TT	Họ và tên	Thường trú	Số QNg...TS	Tổng tiền hỗ trợ
20	Trần Thanh Trí	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92639	28
21	Trần Văn Nghề	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97411	28
22	Trương Công Anh Xin	Nghĩa An - Tư Nghĩa	97614	28
23	Trương Tấn	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92346	28
24	Võ Lai Em	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92687	28
25	Võ Sinh Thương	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92099	28
26	Võ Tấn Cường	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92663	28
27	Võ Thành Mẫn	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92337	28
28	Lê Văn Lô	Nghĩa An - Tư Nghĩa	92437	28
Huyện Đức Phổ				**252**
29	Hành Văn Hóa	Phổ Quang - Đức Phổ	98909	28
30	Lê Tấn Vinh	Phổ Quang - Đức Phổ	98886	28
31	Lê Thanh Tuấn	Phổ Quang - Đức Phổ	94672	28
32	Phan Văn Dựng	Phổ Quang - Đức Phổ	98716	28
33	Trần Văn Cúc	Phổ Quang - Đức Phổ	94499	28
34	Võ Văn Dũng	Phổ Quang - Đức Phổ	94484	28
35	Võ Xuân Cảnh	Phổ Quang - Đức Phổ	98396	28
36	Nguyễn Ngọc Thanh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98604	28
37	Nguyễn Văn Huy	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94832	28
Tổng cộng				**1.036**

Bằng chữ: Một tỉ, không trăm ba mươi sáu triệu đồng